

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Số: 54/2017/DS-ST
Ngày: 29/12/2017
“V/v đòi lại tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hùng;

Ông Huỳnh Trung Thảo.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trần Minh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Tuyết Phương- Kiểm sát viên.

Vào ngày 29/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 210/2017/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2017, về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2017/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Phượng L, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/10/2017; biên bản lấy lời khai ngày 22/11/2017; biên bản hòa giải ngày 24/11/2017 và tại phiên tòa bà Lê Thị Mỹ H trình bày: Vào tháng 6/2017 bà L (Cháu dâu của chồng bà), có nhờ bà vay giùm 15.000.000đ nên bà có đến gặp ông Nguyễn Văn Bé N để vay số tiền

trên, khi vay bà có làm biên nhận với ông Bé N, lúc vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 75.000đ/ngày, sau khi nhận tiền vay của ông Bé N, bà đưa số tiền trên lại cho bà L, nhưng do là chỗ thân thuộc nên bà không có kêu bà L làm biên nhận lại cho bà. Sau khi vay tiền, bà L không có tiền đóng lãi và trả gốc cho ông Bé N nên bà có trả thay cho bà L phần tiền gốc là 15.000.000đ và tiền lãi là 2.250.000đ. Tổng cộng gốc và lãi là 17.250.000đ. Cũng trong thời gian này, bà L tiếp tục nhờ bà vay giùm thêm 10.000.000đ nên bà có đến gặp ông Nguyễn Văn N để hỏi vay giùm cho bà L số tiền trên, khi vay tiền của ông N bà cũng làm biên nhận với ông N, lúc vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 10%/tháng. Sau khi nhận tiền vay của ông N, bà đưa số tiền trên lại cho bà L, nhưng do là chỗ thân thuộc nên bà cũng không có kêu bà L làm biên nhận lại, sau khi vay tiền của ông N, hàng tháng bà L và con tự đem tiền đến đóng lãi cho ông N, đến tháng 9/2017 ông N có gặp bà để lấy lại số tiền trên nên bà đã trả lại cho ông N số tiền là 10.000.000đ. Tiếp đến, bà có cho bà L mượn nhiều lần tiền với số tiền là 5.000.000đ, hiện nay vẫn chưa trả và bà có tham gia chơi hụi giùm bà L, sau khi hốt hụi bà L không châu lại hụi chết nên bà có châu thay cho bà L với tổng số tiền là 3.000.000đ.

Nay bà yêu cầu bà L phải trả lại cho bà các khoản tiền như sau:

Tiền bà vay của ông Bé N giùm bà L gốc và lãi là 17.250.000đ, tiền bà vay của ông N giùm bà L gốc là 10.000.000đ, tiền cho bà L mượn là 5.000.000đ và tiền châu hụi giùm cho bà L là 3.000.000đ. Tổng cộng là 35.250.000đ (Ba mươi lăm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- *Tại biên bản hòa giải ngày 24/11/2017 bà Nguyễn Thị Phượng L trình bày:* Vào năm 2015 (không nhớ ngày, tháng) bà có nhờ bà H vay tiền của ông N giùm cho bà với số tiền là 10.000.000đ, với lãi suất là 10%/tháng, sau khi vay bà có đem tiền đóng lãi cho ông N đầy đủ theo thỏa thuận, sau đó bà H có cho bà hay là ông N lấy lại số tiền gốc trên. Lúc đó, bà có nhờ bà H chơi hụi giùm. Đến khoảng tháng 5/2017, bà có hốt hụi và có nhờ bà H trả số tiền cho ông N giùm bà. Như vậy số tiền bà nhờ bà H vay giùm của ông N thì bà đã gọi bà H trả rồi. Cũng trong thời gian này, bà có mượn bà H 02 lần tiền với tổng số tiền là 5.000.000đ và bà có nhờ bà H châu hụi chết giùm cho bà với số tiền là 3.000.000đ. Việc bà H cho rằng bà nhờ bà H vay tiền của ông Bé N giùm cho bà với số tiền là 15.000.000đ, bà hoàn toàn không biết gì về số tiền trên. Tóm lại hiện nay bà chỉ còn nợ bà H số tiền mượn là 5.000.000đ và tiền nhờ bà H châu hụi giùm số tiền là 3.000.000đ. Ngoài ra bà không còn nợ bà H số tiền nào nữa hết.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà trả lại cho bà H tiền vay của ông Bé N gốc và lãi là 17.250.000đ, tiền vay của ông N gốc là 10.000.000đ, tiền cho bà mượn là 5.000.000đ và tiền châu hụi giùm cho bà là 3.000.000đ. Tổng cộng là 35.250.000đ (Ba mươi lăm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Bà không đồng ý, bà chỉ đồng ý trả lại cho bà H số tiền mượn là 5.000.000đ và tiền nhờ bà H châu hụi giùm số tiền là 3.000.000đ. Tổng cộng là 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Tại phiên tòa, bà H xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của mình là chỉ yêu cầu bà L trả lại cho bà số tiền vay của ông N là 10.000.000đ, tiền cho bà L mượn là 5.000.000đ, tiền châu hụi giùm cho bà L là 3.000.000đ. Tổng cộng là 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của mình như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không có mặt để tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, tuy nhiên Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục đối với bị đơn nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì về phần tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu bà L trả lại số tiền gốc là 15.000.000đ và tiền lãi là 2.250.000đ. Tổng cộng là 17.250.000đ. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ H đối với bà Nguyễn Thị Phượng L. Buộc bà L có trách nhiệm trả lại cho bà H số tiền vay giùm của ông N là 10.000.000đ, tiền mượn là 5.000.000đ, tiền châu hụi giùm là 3.000.000đ. Tổng cộng là 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tại phiên tòa, bà H rút lại một phần yêu cầu của mình là không yêu cầu bà L phải trả lại số tiền vay vốn là 15.000.000đ và tiền lãi là 2.250.000đ. Tổng cộng là 17.250.000đ, bà H cho rằng số tiền trên là tiền bà vay của ông Bé N giùm cho bà L. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà H là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật và có căn cứ chấp nhận.

[2] Đối với yêu cầu của bà H, yêu cầu bà L phải trả lại số tiền 10.000.000đ mà bà đã vay của ông N giùm cho bà L là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, trong quá trình thu thập chứng cứ, bà L thừa nhận có nhờ bà H vay tiền của ông N giùm bà và sau khi vay, bà là người trực tiếp trả tiền lãi cho ông N hàng tháng, lời trình bày này phù hợp với lời trình bày của bà H và lời khai của ông N là người trực tiếp cho vay tiền. Như vậy, có căn cứ xác định số tiền 10.000.000đ mà bà H vay của ông N là vay cho bà L. Do bà L chưa trả số tiền trên cho ông N nên bà H đã trả thay cho bà L, nghĩ nên buộc bà L có trách nhiệm trả lại số tiền trên cho bà H là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[3] Trong quá trình thu thập chứng cứ, bà L cho rằng số tiền bà nhờ bà H vay của ông N là 10.000.000đ, bà đã nhờ bà H trả cho ông N vào tháng

5/2017 rồi, xét thấy lời trình bày này là không có căn cứ chấp nhận, bởi vì, trong quá trình thu thập chứng cứ bà L không có chứng cứ gì để chứng minh số tiền trên bà đã nhờ bà H trả cho ông N, tại phiên tòa hôm nay bà H không thừa nhận có việc trên. Mặc khác, tại biên bản ghi lời khai ngày 22/11/2017, ông N trình bày: số tiền trên bà L còn đóng lãi cho ông đến tháng 8/2017, đến tháng 9/2017 bà H mới trả số tiền trên cho ông. Như vậy, nếu số tiền trên bà L đã gởi cho bà H trả cho ông N vào tháng 5/2017, thì không thể nào bà còn tiếp tục đóng tiền lãi cho ông N đến tháng 8/2017. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày trên của bà.

[4] Đối với số tiền bà L mượn bà H là 5.000.000đ và bà L có nhờ bà H châu hụi giùm là 3.000.000đ, 02 khoản tiền này được bà L và bà H thừa nhận và tại biên bản hòa giải ngày 24/11/2017, bà L cũng thống nhất trả số tiền trên cho bà H, nghĩ nên buộc bà L có trách nhiệm trả lại cho bà H số tiền trên là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa, phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, phù hợp với các quy định của pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

Do yêu cầu của bà H là có căn cứ chấp nhận nên bà L phải chịu toàn bộ tiền án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, bà L vắng mặt, Hội đồng xét xử xét thấy bà L đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự; Điều 147; khoản 1 Điều 217; Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử.

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Lê Thị H đối với bà Nguyễn Thị Phụng L về việc yêu cầu bà L trả lại số tiền gốc là 15.000.000đ và tiền lãi là 2.250.000đ. Tổng cộng là 17.250.000đ (Mười bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

2/ Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Mỹ H đối với bà Nguyễn Thị Phụng L.

Buộc bà Nguyễn Thị Phụng L có trách nhiệm trả lại cho bà Lê Thị Mỹ H số tiền vay giùm của ông N là 10.000.000đ, tiền mượn là 5.000.000đ, tiền châu hụi giùm là 3.000.000đ. Tổng cộng là 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phụng L phải chịu 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Mỹ H được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp là 881.000đ (Tám trăm tám mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 17042, ngày 30/10/2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Báo cho nguyên đơn biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Hoàng Vũ